

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 26 - 8 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Nguyên và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1981;

- Bị đơn: Ông **Đinh Quang M**, sinh năm 1974;

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: Ấp N L 1, xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông M và bà T vắng mặt nhưng không rõ lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2022 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:*

Bà và ông Đinh Quang M tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21 tháng 4 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống, làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt. Bà đã định nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó, ông M bị tai nạn giao thông nên bà chưa nộp

đơn ly hôn để chăm sóc ông M tại bệnh viện và hiện sức khỏe ông M đã dần hồi phục nhưng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Quang M.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông M có 02 con chung là: Đinh Ngọc Diễm M, sinh ngày 02/02/2007 và Đinh Minh M1, sinh ngày 27/3/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại Bản biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 22/7/2022, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Bùi Thị T trình bày:*

Ông Đinh Quang M là con của bà và ông Đinh Quang Ân (đã chết). Ông M bị tai nạn giao thông nên bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự và bà là người đại diện hợp pháp của ông M. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà có ý kiến như sau: Bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H ly hôn với ông Đinh Quang M vì gia đình bà theo đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn.

Về con chung của ông M và bà H thì bà đồng ý giao các con chung là Đinh Ngọc Diễm M, sinh ngày 02/02/2007 và Đinh Minh M1, sinh ngày 27/3/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện bà đã cao tuổi, còn ông M giờ không có khả năng lao động để tạo ra thu nhập.

Về tài sản chung của ông M và bà H: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng ông M, bà H: Không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 85, 89, 91, 92 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Trần Thị Kim H được ly hôn với ông Đinh Quang M; về con chung: Giao các con chung là Đinh Ngọc Diễm M, sinh ngày 02/02/2007 và Đinh Minh M1, sinh ngày 27/3/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Đinh Quang M cư trú tại ấp N L 1, xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà H khởi kiện đối với ông M; do ông M bị mất năng lực hành vi dân sự nên bà T (mẹ đẻ của ông M) là người đại diện theo pháp luật của ông M. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 và khoản 4 Điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà H là nguyên đơn, ông M là bị đơn và bà T là người đại diện hợp pháp của bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

**[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 21 tháng 4 năm 2004. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi bà H yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý cho bà H ly hôn với ông M vì lý do tôn giáo. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung, giữa ông M và bà H có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, tính cách không

hòa hợp. Sau khi bị tai nạn giao thông, ông M bị mất năng lực hành vi dân sự và hiện đang sống cùng với bà T.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa bà H và ông M không thể kéo dài, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự có 02 (hai) con chung là Đinh Ngọc Diễm M, sinh ngày 02/02/2007 và Đinh Minh M1, sinh ngày 27/3/2014. Xét thấy, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung và người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng đồng ý với yêu cầu của bà H và cháu M và cháu M1 đều có nguyện vọng được sống cùng với bà H. Vì vậy, giao cháu Minh và cháu Mẫn cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đúng pháp luật. Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 108, 110, 116, 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 85, 89, 91, 92, 93 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H được ly hôn với ông Đinh Quang M.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông M có 02 (hai) con chung là: Đinh Ngọc Diễm M, sinh ngày 02/02/2007 và Đinh Minh M1, sinh ngày 27/3/2014. Giao cháu M và cháu M1 cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002453 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 13 ngày 21/4/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Nam**